

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Công Khánh**

Ông **Vũ Như Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kiều Trang** - Thư ký TAND TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Hải Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 115/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung T, sinh ngày 10/9/1999 tại Quảng Nam; Nơi ĐKTT: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn T1 (s) và bà Lê Thị Đ (s); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Tháng 9/2018, TAND quận Sơn Trà ra quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 25/3/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/8/2019. Có mặt.

2. Tạ Quan T2, sinh ngày 08/6/1999 tại Quảng Nam; Nơi ĐKTT: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Tạ Xuân V (c) và bà Phùng Thị T3 (s); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Tháng 9/2018, TAND quận Sơn Trà ra quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 25/3/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/8/2019. Có mặt.

Bị hại: Chị M, sinh năm 1981; Quốc tịch: Hàn Quốc; Chỗ ở khi ở tại Việt Nam: Chung cư G, đường N, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tạ Quan B, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn 4 xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bà Phùng Thị T3, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn 4 xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người phiên dịch: Bà **Nguyễn Thanh Hiền** – Cộng tác viên tiếng Hàn Quốc thuộc SCEDFA, Sở ngoại vụ thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/8/2019, Nguyễn Trung T và Tạ Quang T2 mượn xe mô tô BKS 92M1 – 17xxx của Tạ Quan B để đi việc riêng. Sau khi xong việc, T rủ T2 đi cướp giật tài sản, lấy tiền tiêu xài, T2 đồng ý. Khoảng 00 giờ 45 phút ngày 23/8/2019, khi đang chạy trên đường Nguyễn Xuân Khoát, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Đà Nẵng thì T và T2 phát hiện chị M (quốc tịch Hàn Quốc) đi bộ bên đường và đeo chéo túi xách bên người. T tắt đèn xe máy, chạy áp sát vào bên trái chị M để T2 dùng tay giật mạnh túi xách rồi tăng ga bỏ chạy. Khi đến bãi đất trống đường An Hải 14, phường An Hải Bắc, T dừng xe để T2 lục tìm tài sản trong túi xách vừa cướp giật được. Lúc này, tổ tuần tra công an phường An Hải Bắc phát hiện, thấy có dấu hiệu nghi vấn nên đưa Tạ Quan T2 về trụ sở làm việc, Nguyễn Trung T bỏ chạy thoát. Ngày 24/8/2019, T đến cơ quan công an quận Sơn Trà đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 45/CT – VKSDN – P3 ngày 27 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trung T và Tạ Quan T2 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước, giữ nguyên quan điểm đã truy tố theo bản cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt Nguyễn Trung T từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. .

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt Tạ Quan T2 từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Trung T, Tạ Quan T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là vào khoảng 00 giờ 45 phút ngày 23/8/2019, T rú T2 đi cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu xài. Cả hai chở nhau trên xe mô tô BKS 92M1-174.XX, khi đang chạy trên đường Nguyễn Xuân Khoát, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Đà Nẵng thì các bị cáo phát hiện chị M (quốc tịch Hàn Quốc) đi bộ bên đường và đeo chéo túi xách bên người. T liền tắt đèn xe máy, chạy áp sát vào bên trái chị M, T2 dùng tay giật mạnh túi xách rồi tăng ga bỏ chạy. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 4.982.640đ. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Trung T, Tạ Quan T2 đã phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhau một cách cụ thể, chặt chẽ. Hành vi của các bị cáo chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là rất nguy hiểm, việc điều khiển xe máy để giật tài sản có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng của người khác, hành vi này xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng không tốt đến an ninh trật tự nên phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự. Bị cáo T là người rú T2 đi cướp giật, đồng thời là người điều khiển xe máy áp sát người bị hại để T2 giật túi xách. Còn bị cáo T2 là người trực tiếp giật tài sản. Các bị cáo đều cùng có một tiền sự bị đưa đi cai nghiện bắt buộc vào tháng 9/2018. Hành vi, nhân thân của các bị cáo là như nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T đã ra đầu thú; Bị cáo T2 có ông nội là người có công với đất nước nên HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

HĐXX thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên là cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo được học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6] Xử lý vật chứng: Ngày 06/9/2019 và ngày 03/10/2019, cơ quan điều tra công an quận Sơn Trà và cơ quan CSĐT công an thành phố Đà Nẵng ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M: 1.7000.000đ + 64 USD; 02 hộ chiếu số

M2474xxxx tên M và M2357xxxx tên K; 01 máy tính bảng Samsung Tab E màu trắng; 02 cuốn sổ + 01 ví da màu nâu KT (13x22) cm; 01 túi xách màu đen có chữ Jeep Buluo bị đứt quai. Trả cho bà Phùng Thị T3 01 xe mô tô BKS 92M1-17xxx.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua hồ sơ thể hiện họ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Trung T, Tạ Quan T2** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T **03 (ba) năm tù**. Thời gian chấp hành án kể từ ngày bắt tạm giam 24/8/2019.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Tạ Quan T2 **03 (ba) năm tù**. Thời gian chấp hành án kể từ ngày bắt tạm giam 23/8/2019.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hồng Minh